



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN



**BẢN TIN PHÁP
LUẬT
THÁNG 08/2023**

MỤC LỤC

A. VĂN BẢN MỚI	1
1. Quyết định 15/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hóa nhập khẩu.....	1
2. Quyết định 970/QĐ-TCT 2023 Quy trình kiểm tra thuế	2
3. Quyết định 7785/QĐ-TLĐ 2023 sửa đổi Quyết định 6696/QĐ-TLĐ ngày 16/01/2023	3
4. Nghị định 26/2023/NĐ-CP của Chính phủ Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.....	5
5. Nghị định 42/2023/NĐ-CP điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng.....	6
6. Thông tư 34/2023/TT-BTC mức thu và sử dụng phí đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường.....	7
B. VĂN BẢN HƯỚNG DẪN	10
1. Công văn 45193/CTHN-TTHT của Cục Thuế Thành phố Hà Nội về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư mới trong khu công nghiệp	10
2. Công văn 8732/CTTPHCM-TTHT của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc giảm 2% thuế giá trị gia tăng tại Nghị định 44/2023/NĐ-CP	11
3. Công văn 51359/CTHN-TTHT Hà Nội 2023 sử dụng hóa đơn điện tử trong khu chế xuất khi thanh lý tài sản	12
C. ĐIỀU CẦN BIẾT THÊM	13
1. Công văn 2336/TCT-CS của Tổng cục Thuế về giải đáp chính sách tiền thuê đất	13
2. Công văn 45194/CTHN-TTHT của Cục Thuế Thành phố Hà Nội về kê khai thuế thu nhập cá nhân cho người lao động	13
3. Công văn 46972/CTHN-TTHT của Cục Thuế Thành phố Hà Nội về kê khai thuế giá trị gia tăng cho trụ sở chính và chi nhánh.....	13
4. Công văn 3292/TCT-CS của Tổng cục Thuế về hóa đơn.....	14
5. Công văn 59259/CTHN-TTHT Hà Nội 2023 lãi suất cho vay giữa các công ty liên kết....	14



A. VĂN BẢN MỚI

1. Quyết định 15/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hóa nhập khẩu

Ngày ban hành: 31/05/2023

Ngày hiệu lực: 15/07/2023

Ngày 31/5/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 15/2023/QĐ-TTg quy định việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hóa nhập khẩu. Sau đây là một số nội dung đáng chú ý Quyết định này.

1. 04 đối tượng áp dụng thuế suất thông thường, gồm:

- Chủ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu
- Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa
- Cơ quan hải quan, công chức hải quan
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác khi thực hiện chính sách thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

2. Biểu thuế suất thuế nhập khẩu thông thường đối với hàng hóa nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định này gồm:

- Danh mục (mô tả hàng hóa và mã hàng 08 chữ số) của các mặt hàng có mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi bằng 0% quy định tại Mục I, Mục II Phụ lục II Nghị định số 26/2023/NĐ-CP
- Mức thuế suất thông thường quy định cho từng mặt hàng tại Biểu thuế suất thuế nhập khẩu thông thường đối với hàng hóa nhập khẩu.



3. Áp dụng mức thuế thông thường bằng 150% mức thuế suất nhập khẩu ưu đãi của từng mặt hàng tương ứng tại Phụ lục II Nghị định số 26/2023/NĐ-CP đối với hàng hóa nhập khẩu không có tên trong Danh mục của Biểu thuế suất thuế nhập khẩu thông thường và không thuộc trường hợp hàng hóa nhập khẩu áp dụng thuế suất ưu đãi hoặc thuế suất ưu đãi đặc biệt theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 5 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016.

2. Quyết định 970/QĐ-TCT 2023 Quy trình kiểm tra thuế

Ngày ban hành: 14/07/2023

Ngày 14/7/2023, Tổng cục Thuế đã ra Quyết định 970/QĐ-TCT ban hành Quy trình kiểm tra thuế. Dưới đây là một số nội dung đáng chú ý:

1. 06 trường hợp kiểm tra đột xuất tại trụ sở người nộp thuế không phải lập kế hoạch:

- Kiểm tra người nộp thuế theo đơn tố cáo.
- Kiểm tra người nộp thuế theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc theo chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan thuế cấp trên.
- Kiểm tra theo đề nghị của người nộp thuế (chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, giải thể, chấm dứt hoạt động, cổ phần hóa, chấm dứt hiệu lực mã số thuế, chuyển địa điểm kinh doanh dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý).
- Kiểm tra trước hoàn thuế.
- Kiểm tra theo đề xuất sau khi kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế.
- Các trường hợp kiểm tra đột xuất khác.



2. Kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế theo Quyết định kiểm tra thuế phải được tiến hành chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định kiểm tra thuế trừ trường hợp phải bãi bỏ Quyết định kiểm tra thuế hoặc hoãn thời gian kiểm tra.

3. Điều chỉnh kế hoạch kiểm tra thực hiện như sau:

- Nếu điều chỉnh bổ sung (bao gồm cả trường hợp bổ sung mới, bổ sung để thay thế) người nộp thuế vào kế hoạch kiểm tra thì bổ sung tiếp những người nộp thuế có rủi ro về thuế từ cao xuống theo danh sách đã lập khi xây dựng kế hoạch, chuyên đề đầu năm, trong năm. Trường hợp thực hiện phân tích đánh giá rủi ro lại sau khi cập nhật thông tin dữ liệu thì thực hiện bổ sung người nộp thuế có rủi ro cao theo kết quả phân tích đánh giá lại.
- Nếu điều chỉnh giảm kế hoạch kiểm tra thì giảm bớt người nộp thuế có rủi ro từ thấp lên trong kế hoạch, chuyên đề kiểm tra. Trường hợp thực hiện phân tích đánh giá rủi ro lại sau khi cập

nhật thông tin dữ liệu thì thực hiện điều chỉnh giảm người nộp thuế có rủi ro thấp theo kết quả phân tích đánh giá lại.

3. Quyết định 7785/QĐ-TLĐ 2023 sửa đổi Quyết định 6696/QĐ-TLĐ ngày 16/01/2023

Ngày ban hành: 14/07/2023

Quyết định 7785/QĐ-TLĐ của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định 6696/QĐ-TLĐ ngày 16/01/2023 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ban hành quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ đoàn viên công đoàn, người lao động bị giảm thời gian làm việc, chấm dứt hợp đồng lao động do doanh nghiệp bị cắt, giảm đơn hàng.



Tiếp tục hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng việc làm đến hết năm 2023

Ngày 25/8/2023, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã ban hành Quyết định 7785/QĐ-TLĐ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định 6696/QĐ-TLĐ ngày 16/01/2023 quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ đoàn viên công đoàn, người lao động bị giảm thời gian làm việc, chấm dứt hợp đồng lao động do doanh nghiệp bị cắt, giảm đơn hàng.



1. Tiếp tục hỗ trợ đoàn viên công đoàn, người lao động bị giảm thời gian làm việc, bị ngừng việc, bị tạm hoãn hợp đồng lao động, bị nghỉ việc không hưởng lương, bị chấm dứt hợp đồng lao động do doanh nghiệp, hợp tác xã bị cắt, giảm đơn hàng trong thời gian từ ngày 01/4/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

2. Công đoàn cấp trên cơ sở tiếp tục thẩm định và xem xét quyết định hỗ trợ đoàn viên, người lao động bị giảm thời gian làm việc, chấm dứt hợp đồng lao động do doanh nghiệp bị cắt, giảm đơn hàng từ ngày 01/10/2022 đến hết ngày 31/3/2023, đã nộp hồ sơ cho các cấp công đoàn sau ngày 31/3/2023 mà công đoàn cấp trên cơ sở chưa thẩm định hoặc quyết định hỗ trợ.

3. Đoàn viên, người lao động được hỗ trợ khi đủ 03 điều kiện sau:

- Bị giảm thời gian làm việc hàng ngày hoặc giảm số ngày làm việc trong tuần hoặc trong tháng (trừ trường hợp giảm thời gian làm thêm giờ) hoặc bị ngừng việc theo khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động từ 14 ngày trở lên.
- Thu nhập (chưa trừ các khoản đóng bắt buộc hằng tháng theo quy định của pháp luật) của một tháng bất kỳ bằng hoặc thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định tại Nghị định 38/2022/NĐ-CP.

Thời gian bị giảm giờ làm việc, ngừng việc từ ngày 01/4/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

4. Nghị định 26/2023/NĐ-CP của Chính phủ Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan

Ngày ban hành: 31/05/2023

Ngày hiệu lực: 15/07/2023



Biểu thuế XNK ưu đãi, ngoài hạn ngạch thuế quan

Ngày 31/5/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định 26/2023/NĐ-CP Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan. Dưới đây là một số nội dung đáng chú ý:

1. Áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi là 150% với các đối tượng sau:

- Ô tô chở người đã qua sử dụng từ 16 chỗ ngồi trở lên thuộc nhóm hàng 87.02.
- Xe có động cơ đã qua sử dụng dùng để chở hàng hoá có khối lượng toàn bộ theo thiết kế không quá 05 tấn, thuộc nhóm hàng 87.04 (trừ ô tô đông lạnh, ô tô thu gom phế thải có bộ phận nén phế thải, ô tô xi téc, ô tô bọc thép để chở hàng hóa có giá trị; ô tô chở xi măng kiểu bồn và ô tô chở bùn có thùng rời nâng hạ được).

2. Từ năm 2022-2027, sản lượng ô tô sử dụng nhiên liệu xăng, dầu sản xuất, lắp ráp của Chương trình ưu đãi thuế cụ thể như sau:

- Xe chở người từ 09 chỗ trở xuống, dung tích xi lanh từ 2.500cc trở xuống: Sản lượng chung tối thiểu là 23000 chiếc (Kỳ xét ưu đãi thuế 12 tháng).
- Xe tải có tổng khối lượng toàn bộ theo thiết kế không quá 05 tấn: Sản lượng chung tối thiểu là 7000 chiếc (Kỳ xét ưu đãi thuế 12 tháng).
- Xe tải có tổng khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 05 tấn: Sản lượng chung tối thiểu là 5000 chiếc (Kỳ xét ưu đãi thuế 12 tháng).

3. Hồ sơ, thủ tục đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế bao gồm:

- Công văn đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế linh kiện ô tô theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô: 01 bản sao có chứng thực.

5. Nghị định 42/2023/NĐ-CP điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng

Ngày ban hành: 29/06/2023

Ngày hiệu lực: 14/08/2023

Tăng lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hằng tháng từ 01/7/2023

Đây là nội dung đáng chú ý mới được Chính phủ ban hành tại Nghị định 42/2023/NĐ-CP điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng ngày 29/6/2023. Cụ thể:

1. 09 nhóm đối tượng được tăng lương hưu, trợ cấp từ 01/7/2023:

- Cán bộ, công chức, công nhân, viên chức và người lao động (kể cả người có thời gian tham gia BHXH tự nguyện, người nghỉ hưu từ quỹ BHXH nông dân Nghệ An chuyển sang theo Quyết định 41/2009/QĐ-TTg); quân nhân,



công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu đang hưởng lương hưu hằng tháng.

- Cán bộ xã, phường, thị trấn quy định tại Nghị định 92/2009/NĐ-CP, Nghị định 34/2019/NĐ-CP, Nghị định 121/2003/NĐ-CP, Nghị định 09/1998/NĐ-CP.
- Quân nhân đang hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo Quyết định 142/2008/QĐ-TTg (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định 38/2010/QĐ-TTg).
- Người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng...

2. Mức tăng lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hằng tháng từ 12,5 - 20,8%:

- Tăng thêm 12,5% trên mức lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hằng tháng của tháng 6/2023 đối với các đối tượng quy định đã được điều chỉnh theo Nghị định 108/2021/NĐ-CP.
- Tăng thêm 20,8% trên mức lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hằng tháng của tháng 6/2023 đối với các đối tượng quy định chưa được điều chỉnh theo Nghị định 108/2021/NĐ-CP.
- Người đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp hằng tháng theo quy định, sau khi điều chỉnh có mức hưởng thấp hơn 03 triệu đồng/tháng thì được điều chỉnh tăng thêm như sau:
 - Tăng thêm 300.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng dưới 2,7 triệu đồng/người/tháng.
 - Tăng lên bằng 03 triệu đồng/người/tháng đối với những người có mức hưởng từ 2,7 triệu đồng/người/tháng đến dưới 03 triệu đồng/người/tháng.

6. Thông tư 34/2023/TT-BTC mức thu và sử dụng phí đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường

Ngày ban hành: 31/05/2023

Ngày hiệu lực: 15/07/2023

Phí thẩm định đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường từ 15/7/2023

Ngày 31/5/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 34/2023/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường. Dưới đây là một số nội dung đáng chú ý của Thông tư:



1. Mức phí thẩm định đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường như sau:

- Vùng Đồng bằng sông Hồng:

- Dưới 16 thông số là 42.000.000 đồng;
- Từ 16 đến 30 thông số là 50.400.000 đồng;
- Từ 31 đến 45 thông số là 58.800.000 đồng;
- Từ 46 đến 60 thông số là 67.200.000 đồng;
- Trên 60 thông số là 75.600.000 đồng.

- Vùng Trung du và miền núi phía Bắc:

- Dưới 16 thông số là 46.200.000 đồng;
- Từ 16 đến 30 thông số là 55.440.000 đồng;
- Từ 31 đến 45 thông số là 64.680.000 đồng;
- Từ 46 đến 60 thông số là 73.920.000 đồng;
- Trên 60 thông số là 83.160.000 đồng.

- *Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung:*

- Dưới 16 thông số là 50.400.000 đồng;
- Từ 16 đến 30 thông số là 60.480.000 đồng;
- Từ 31 đến 45 thông số là 70.560.000 đồng;
- Từ 46 đến 60 thông số là 80.640.000 đồng;
- Trên 60 thông số là 90.720.000 đồng.

- *Vùng Tây Nguyên:*

- Dưới 16 thông số là 54.600.000 đồng;
- Từ 16 đến 30 thông số là 65.520.000 đồng;
- Từ 31 đến 45 thông số là 76.440.000 đồng;
- Từ 46 đến 60 thông số là 87.360.000 đồng;
- Trên 60 thông số là 98.280.000 đồng.

- *Vùng Nam Bộ:*

- Dưới 16 thông số là 58.800.000 đồng;
- Từ 16 đến 30 thông số là 70.560.000 đồng;
- Từ 31 đến 45 thông số là 82.080.000 đồng;
- Từ 46 đến 60 thông số là 94.080.000 đồng;
- Trên 60 thông số là 105.840.000 đồng.

2. Tổ chức thu phí phải nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách Nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động thẩm định và thu phí do ngân sách Nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách Nhà nước theo quy định.



B. VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

1. Công văn 45193/CTHN-TTHT của Cục Thuế Thành phố Hà Nội về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư mới trong khu công nghiệp



Nếu dự án của Công ty đáp ứng quy định về dự án đầu tư mới tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP của Chính phủ thì thu nhập của Công ty từ thực hiện dự án này được áp dụng hình thức ưu đãi thuế TNDN miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 91/2014/NĐ-CP của Chính phủ theo điều kiện thực tế đáp ứng và không được hưởng ưu đãi theo mức áp dụng cho dự án đầu tư mới tại địa bàn điều kiện kinh tế xã hội khó khăn (áp dụng thuế suất ưu đãi 17% theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định 218/2013/NĐ-CP).

Khoản thu nhập từ dự án được hưởng ưu đãi không gồm các khoản thu nhập nêu tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo kê khai.

2. Công văn 8732/CTTPHCM-TTHT của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc giảm 2% thuế giá trị gia tăng tại Nghị định 44/2023/NĐ-CP

Cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với hàng hóa dịch vụ quy định tại Nghị định khi lập hóa đơn, tại dòng thuế suất thuế giá trị gia tăng ghi “8%”; tiền thuế giá trị gia tăng; tổng số tiền người mua phải thanh toán. Căn cứ hóa đơn giá trị gia tăng, cơ sở kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ kê khai thuế giá trị gia tăng đầu ra, cơ sở kinh doanh mua hàng hóa, dịch vụ kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào theo số thuế đã giảm ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng. Trên hóa đơn giá trị gia tăng phải ghi rõ thuế suất của từng hàng hóa, dịch vụ.



Cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng. Khi lập hóa đơn bán hàng cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế giá trị gia tăng, tại cột “Thành tiền” ghi đầy đủ tiền hàng hóa, dịch vụ trước khi giảm, tại dòng “Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ” ghi theo số đã giảm 20% mức tỷ lệ % trên doanh thu, đồng thời ghi chú: “đã giảm... (số tiền) tương ứng 20% mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15”.

Trường hợp cơ sở kinh doanh đã lập hóa đơn và đã kê khai theo mức thuế suất hoặc mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng chưa được giảm theo quy định tại Nghị định này thì người bán và người mua xử lý hóa đơn đã lập theo quy định pháp luật về hóa đơn, chứng từ. Căn cứ vào hóa đơn sau khi xử lý, người bán kê khai điều chỉnh thuế đầu ra, người mua kê khai điều chỉnh thuế đầu vào (nếu có).

Trường hợp cơ sở kinh doanh cung ứng hàng hóa dịch vụ được giảm và không giảm thuế giá trị gia tăng thì được ghi chung một hóa đơn.

3. Công văn 51359/CTHN-TTHT Hà Nội 2023 sử dụng hóa đơn điện tử trong khu chế xuất khi thanh lý tài sản

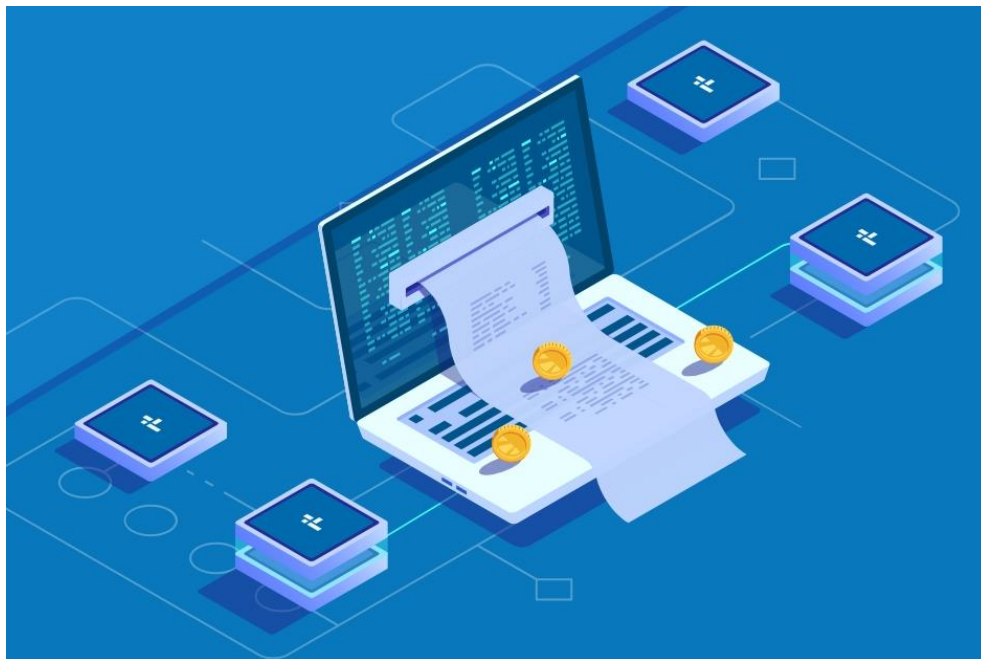
Công ty là doanh nghiệp chế xuất thực hiện thanh lý tài sản cố định theo hình thức bán vào nội địa thì tại thời điểm bán, thanh lý vào thị trường nội địa không áp dụng chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trừ trường hợp hàng hóa thuộc diện quản lý theo điều kiện, tiêu chuẩn, kiểm tra chuyên ngành chưa thực hiện khi nhập khẩu; hàng hóa quản lý bằng giấy phép thì phải được cơ quan cấp phép nhập khẩu đồng ý bằng văn bản theo quy định tại Điều 26 Nghị định 35/2022/NĐ-CP.

Công ty thực hiện kê khai thuế theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 219/2013/TT-BTC. Về việc nộp hồ sơ khai thuế GTGT Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 44 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Điều 8 và Điều 9 Nghị định 126/2020/NĐ-CP .

Ngày 16 tháng 12 năm 2022 Cơ quan thuế đã thông báo chấp nhận đề nghị đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP của Công ty.

- Hình thức sử dụng: Hóa đơn có mã của cơ quan thuế
- Loại hóa đơn: Hóa đơn bán hàng

Trường hợp Công ty là doanh nghiệp chế xuất thực hiện thanh lý tài sản cố định theo hình thức bán vào nội địa thì Công ty sử dụng Hóa đơn bán hàng theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.





C. ĐIỀU CẦN BIẾT THÊM

1. Công văn 2336/TCT-CS của Tổng cục Thuế về giải đáp chính sách tiền thuê đất

Việc xem xét miễn, giảm tiền thuê đất được thực hiện theo từng dự án đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/09/2016 của Chính phủ. Tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất đúng quy định pháp luật đất đai để thực hiện dự án đầu tư thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư và địa bàn kinh tế xã hội ưu đãi đầu tư theo quy định tại pháp luật đầu tư thì thuộc đối tượng được xem xét miễn tiền thuê đất theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ.

2. Công văn 45194/CTHN-TTHT của Cục Thuế Thành phố Hà Nội về kê khai thuế thu nhập cá nhân cho người lao động

Chi nhánh Công ty đang thực hiện khai thuế và tính thuế tại Cục thuế TP. HCM, trực tiếp ký hợp đồng, chi trả các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công và thực hiện khấu trừ thuế cho người lao động làm việc tại các địa điểm kinh doanh ở tỉnh khác thì chi nhánh không thuộc đối tượng phân bổ thuế thu nhập cá nhân.

Chi nhánh thực hiện khai thuế và tính thuế thu nhập cá nhân cho người lao động tại cơ quan quản lý trực tiếp Chi nhánh.

3. Công văn 46972/CTHN-TTHT của Cục Thuế Thành phố Hà Nội về kê khai thuế giá trị gia tăng cho trụ sở chính và chi nhánh

Công ty có chi nhánh hạch toán phụ thuộc khác nơi Công ty có trụ sở chính và thực hiện hạch toán tập trung tại trụ sở chính theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP thực hiện khai thuế, tính thuế và nộp hồ sơ khai thuế tập trung cho cơ quan thuế quản lý Công ty (trụ sở chính) và phân bổ số thuế phải nộp cho từng tỉnh nơi có hoạt động kinh doanh theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 80/2021/TT-BT.

Việc khai thuế, tính thuế, phân bổ và nộp thuế giá trị gia tăng thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

4. Công văn 3292/TCT-CS của Tổng cục Thuế về hóa đơn

Trường hợp cơ sở kinh doanh áp dụng hình thức chiết khấu thương mại dành cho khách hàng (nếu có) thì giá tính thuế GTGT là giá bán đã chiết khấu thương mại dành cho khách hàng. Trường hợp việc chiết khấu thương mại căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hóa, dịch vụ thì số tiền chiết khấu của hàng hóa đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau. Trường hợp số tiền chiết khấu được lập khi kết thúc chương trình (kỳ) chiết khấu hàng bán thì được lập hóa đơn điều chỉnh kèm bảng kê các số hóa đơn cần điều chỉnh, số tiền, tiền thuế điều chỉnh. Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh thu mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào.

5. Công văn 59259/CTHN-TTHT Hà Nội 2023 lãi suất cho vay giữa các công ty liên kết

Người nộp thuế có phát sinh hoạt động mua, bán, trao đổi và hạch toán giá trị hàng hóa, dịch vụ không theo giá trị giao dịch thông thường trên thị trường; không tuân thủ quy định về nghĩa vụ kê khai, xác định giá giao dịch liên kết thì thuộc trường hợp bị ấn định thuế theo quy định tại Điều 50 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

Căn cứ ấn định thuế đối với người nộp thuế là tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

Về nội dung hợp đồng cho vay giữa các doanh nghiệp với lãi suất thỏa thuận có đúng quy định của pháp luật không thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế, Công ty liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) để được hướng dẫn.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN là tổ chức kiểm toán, tư vấn tài chính chuyên nghiệp, cung cấp các dịch vụ chất lượng cao bao gồm: Kiểm toán, kế toán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư, tư vấn M&A, tư vấn thuế và đào tạo.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN được thành lập và điều hành bởi đội ngũ sáng lập viên và các chuyên gia tâm huyết, am tường về kiểm toán, kế toán, tài chính và quản trị, có nhiều năm nắm giữ vị trí quản lý trong các công ty hàng đầu trong và ngoài nước. Điều này giúp Đại Tín có được một đội ngũ nhân lực cao cấp và có thể cung cấp cho khách hàng các dịch vụ phù hợp với Việt Nam song đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

Liên hệ

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH, TƯ VẤN THUẾ.

Văn Phòng : Lầu 5 – Tòa nhà GT, 403 Nguyễn Thái Bình, Phường 12, Quận Tân Bình, Tp. HCM.

Trụ sở : 750/1/15 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM.

ĐT : 0283 500 4494

Web: www.kiemtoandaitin.com

Email : info@kiemtoandaitin.com

Hotline : Ms.Trang - Tổng Giám Đốc - 0903 928 235 & 0913 484 490

Mr. Lãng - Giám Đốc Kinh Doanh (tiếng Trung) - 0908 608 955

Mr. Thuận - Giám đốc kiểm toán - 0973 307 912

Ms. Nhung - Giám đốc kiểm toán - 0946 082 828